

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CNC VIỆT HÀN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CNC VIỆT HÀN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET HAN CNC TECHNOLOGY DEVELOPMEN COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CNC VIỆT HÀN

2. Mã số doanh nghiệp: 0106892769

3. Ngày thành lập: 05/07/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 16, tập thể vật tư thủy lợi, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912.462.419

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn ;	2599
2.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
3.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
4.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
5.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
6.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
7.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
8.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
9.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
10.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
11.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
12.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
13.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
14.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818

15.	Sản xuất máy thông dụng khác Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Sản xuất tủ lạnh hoặc thiết bị làm lạnh công nghiệp, bao gồm dây chuyền và linh kiện chủ yếu; Sản xuất máy điều hoà nhiệt độ, dùng cho cả mô tô; Sản xuất quạt không dùng cho gia đình; Sản xuất máy cân dùng trong gia đình như : cân hành lý, cân cầu đường, cân khác; Sản xuất máy lọc và máy tinh chế, máy móc cho hoá lỏng; Sản xuất máy đóng gói như : Làm đầy, đóng, dán, đóng bao và máy dán nhãn; Sản xuất máy làm sạch hoặc sấy khô chai cho sản xuất đồ uống; Sản xuất thiết bị chưng cất và tinh cất cho: Tinh chế dầu, hoá chất công nghiệp, công nghiệp đồ uống; Sản xuất máy đổi nóng; Sản xuất máy hoá lỏng khí và gas; Sản xuất máy cung cấp gas; Sản xuất máy cán láng hoặc máy cuộn và trục lăn (trừ cho kim loại và thủy tinh); Sản xuất máy ly tâm (trừ máy tách kem và sấy khô quần áo) ; Sản xuất miếng đệm và miếng hàn tương tự được làm từ kim loại hỗn hợp hoặc lớp kim loại đó ; Sản xuất máy bán hàng tự động ; Sản xuất các bộ phận cho máy có những mục đích chung không trái qui định pháp luật; Sản xuất quạt thông gió (quạt đầu hồi, quạt mái) ; Sản xuất dụng cụ đo, máy cầm tay tương tự, dụng cụ cơ khí chính xác (trừ quang học) ; Sản xuất thiết bị hàn không dùng điện.	2819
16.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
17.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822(Chính)
18.	Sản xuất máy luyện kim	2823
19.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
20.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
21.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
22.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
23.	Đúc sắt, thép	2431
24.	Đúc kim loại màu (Không bao gồm vàng và kim loại màu theo qui định pháp luật cấm kinh doanh hoặc hạn chế kinh doanh và chỉ được kinh doanh theo qui định của pháp luật)	2432
25.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
26.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
27.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
28.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
29.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
30.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
31.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
32.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
33.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629

34.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
35.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Bán buôn: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại;	4669
36.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
37.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng;	2829
38.	Sản xuất xe có động cơ	2910
39.	Sản xuất thân xe có động cơ, rô moóc và bán rô moóc	2920
40.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
41.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
42.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
43.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
44.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
45.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
46.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
47.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn;	3290
48.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
49.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
50.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
51.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
52.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
53.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
54.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
55.	Thu gom rác thải độc hại	3812
56.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
57.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
58.	Tái chế phế liệu Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Tái chế phế liệu kim loại, phi kim loại;	3830

59.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học ; Khử độc các nhà máy công nghiệp hoặc các khu công nghiệp; Khử độc và làm sạch nước bề mặt tại các nơi bị ô nhiễm do tai nạn, ví dụ như thông qua việc thu gom chất gây ô nhiễm hoặc thông qua sử dụng các chất hoá học ;	3900
60.	Xây dựng nhà các loại	4100
61.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
62.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
63.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
64.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chỉ gồm có các ngành nghề sau: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường;	4659
65.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
66.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo đúng qui định của pháp luật);	8230
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Pháp nhân chỉ kinh khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và chỉ kinh doanh theo đúng qui định pháp luật);	8299
68.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
69.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo đúng qui định của pháp luật);	7210
70.	Quảng cáo	7310

71.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Tư vấn về nông học, môi trường, công nghệ khác (Không bao gồm tư vấn luật, hoạt động của công ty luật, hoạt động của văn phòng luật sư, tư vấn kế toán, tài chính, thuế, chứng khoán và các hoạt động tư vấn khác mà theo qui định pháp luật cấm hoặc hạn chế kinh doanh)	7490
72.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính);	7730
73.	Trong quá trình kinh doanh, pháp nhân phải tuân thủ pháp luật và tự chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của mình;	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ(%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	ĐINH VĂN HUY	Số 12, TT Ra đa, tổ 61, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.000.000.000	40,00	035083000118	
2	CHU VINH THÁI	Số 1, tổ 61, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.000.000.000	40,00	012816889	
3	TA VĂN ĐỨC	Thôn Vĩnh Trung, Xã Khai Thái, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	500.000.000	10,00	001075005209	
4	LƯU THỊ DUYẾN	Số 6, tổ 3, khu 8, Phường Cao Xanh, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	250.000.000	5,00	100505115	
5	TRẦN THỊ KIM DUNG	Số 52C, tổ 24C, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	250.000.000	5,00	013451036	

8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: ĐINH VĂN HUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 07/07/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 035083000118

Ngày cấp: 30/09/2014

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 12, TT Ra đa, tổ 61, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 12, TT Ra đa, tổ 61, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội